CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Ngày 30/09/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**6.6%**	**2.5%**

DT thuần
Q3/25
248
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 174| 235%
YoY: ▲ 30.0| 13.7%

LN thuần
Q3/25
22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.6| 247%
YoY: ▼0.10| -0.6%

LN sau thuế
Q3/25
21.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.9| 234%
YoY: ▲ 0.50| 2.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.2%
YoY: +/-▲ 25.9%

ROE (TTM)
Q3/25
3.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

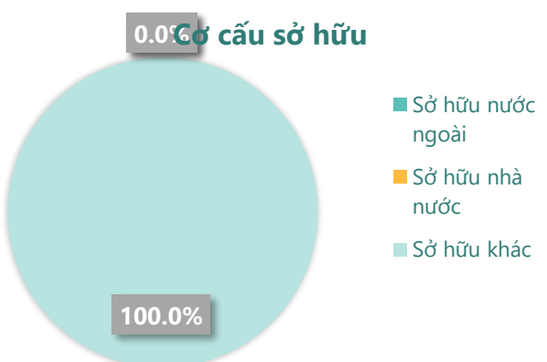
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	113
Số lượng CPLH (CP)	13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,515
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.81
EPS	381
P/E	21.2

DT thuần
9T 2025
479
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.0| 9.3%

LN thuần
9T 2025
8.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.74| 182%

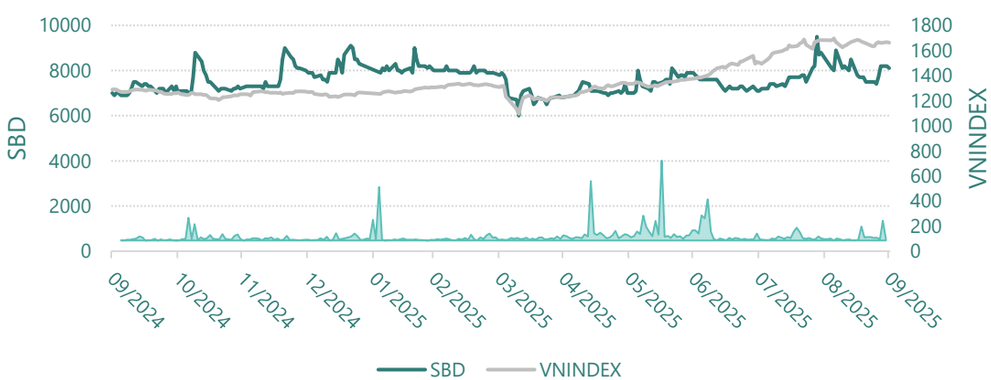
LN sau thuế
9T 2025
3.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.27| 171%

Cơ cấu sở hữu

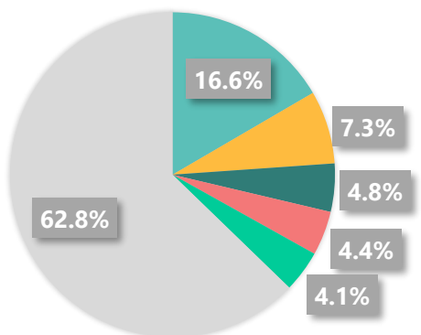


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

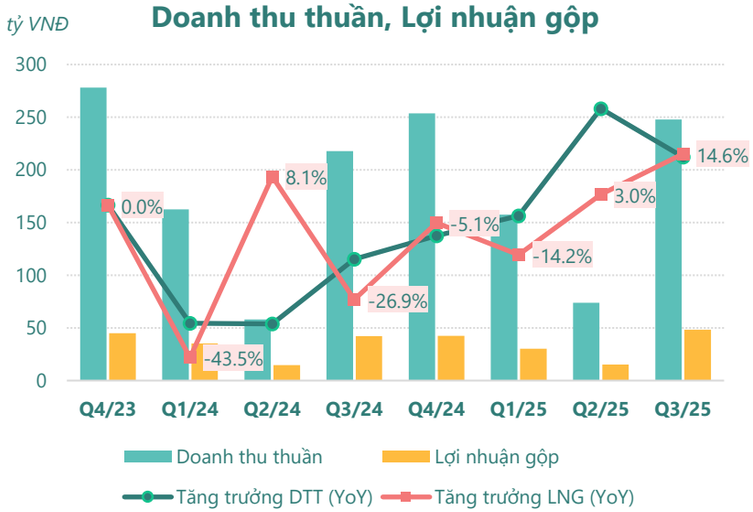


- Nguyễn Đức Quang (Chủ tịch HĐQT)
- Mai Thị Thúy Mai (Trưởng ban kiểm soát)
- Nguyễn Việt Thắng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Văn Hào (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Lê Hồng Phong
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

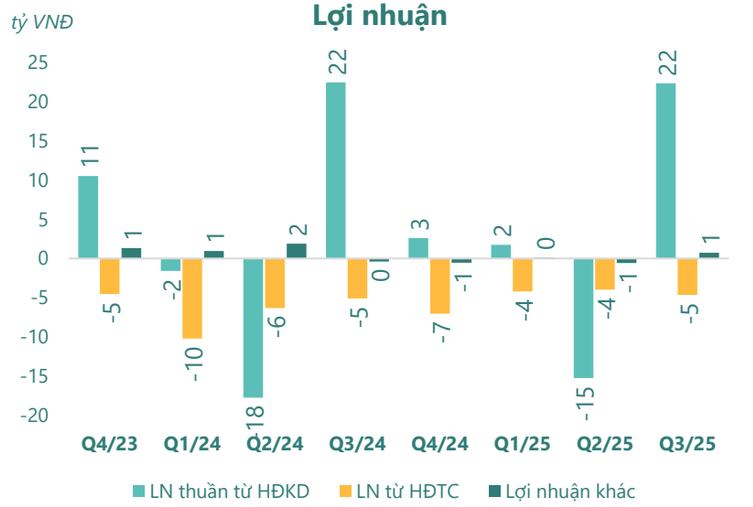
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



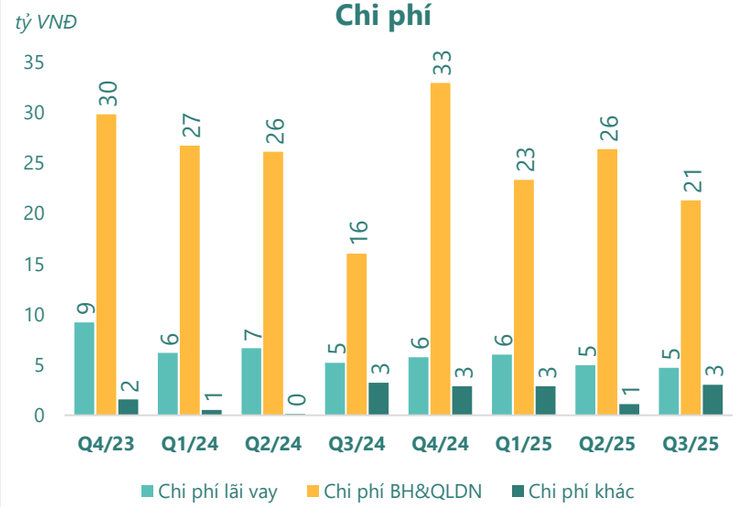
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



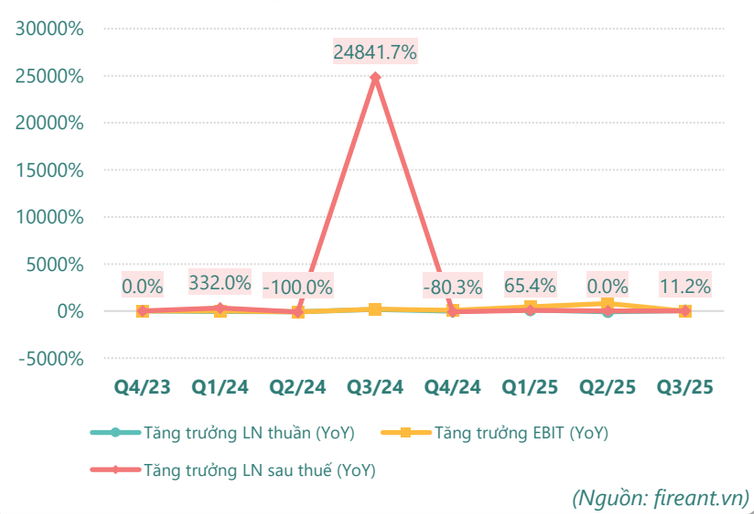
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



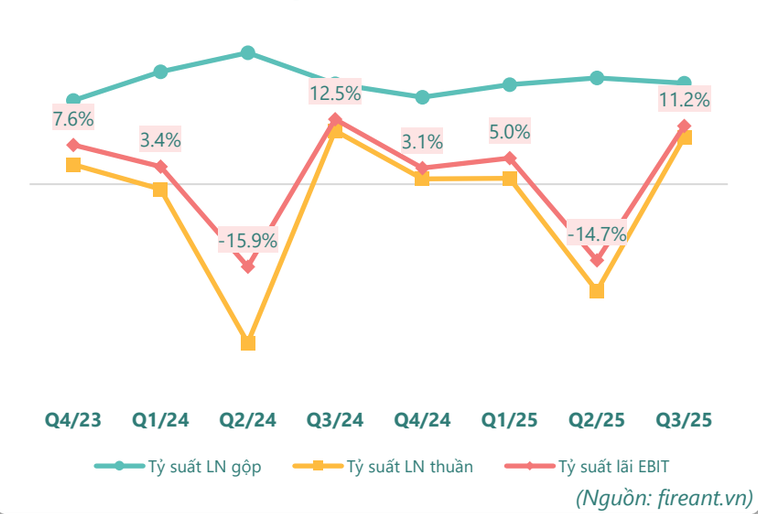
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



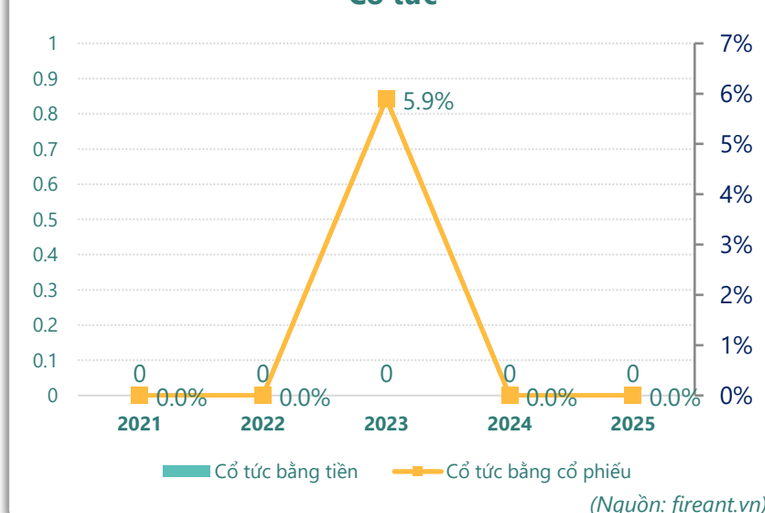
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

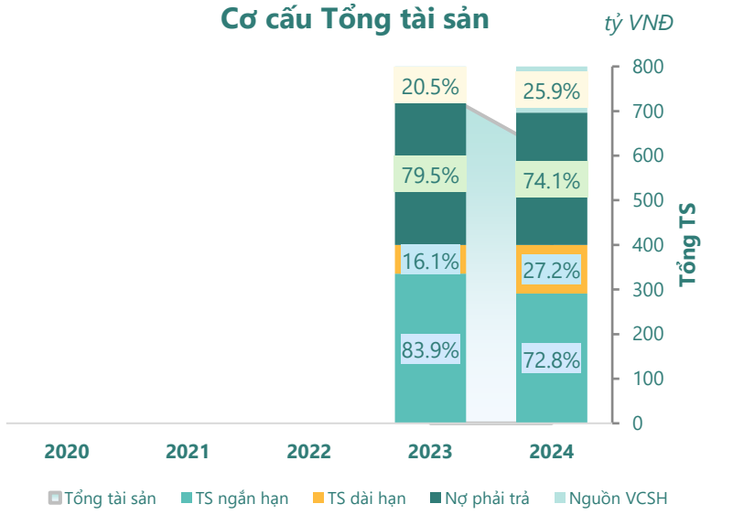
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

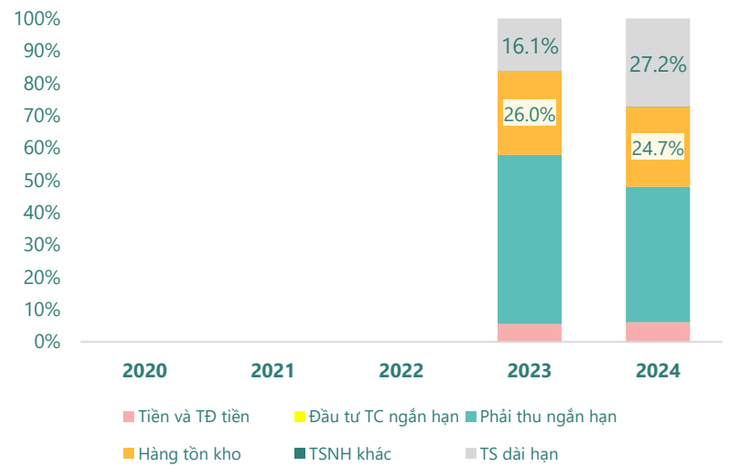
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



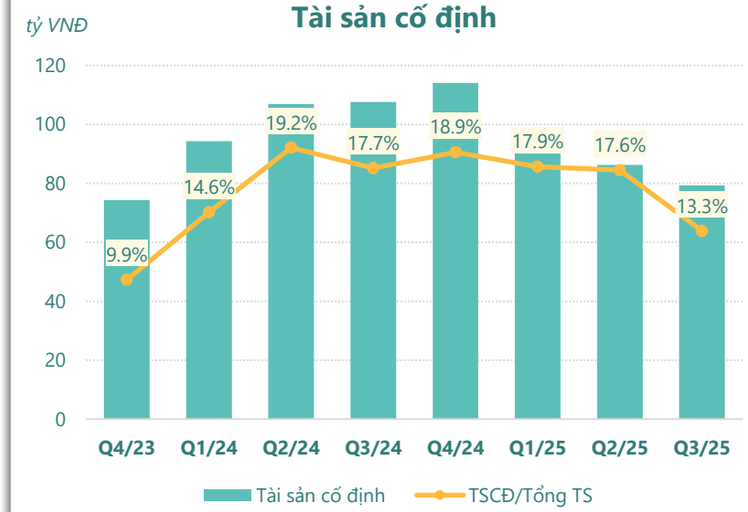
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



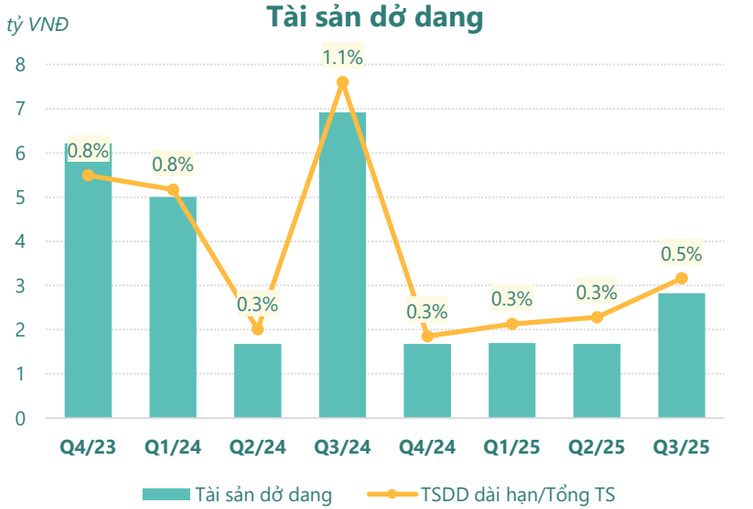
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



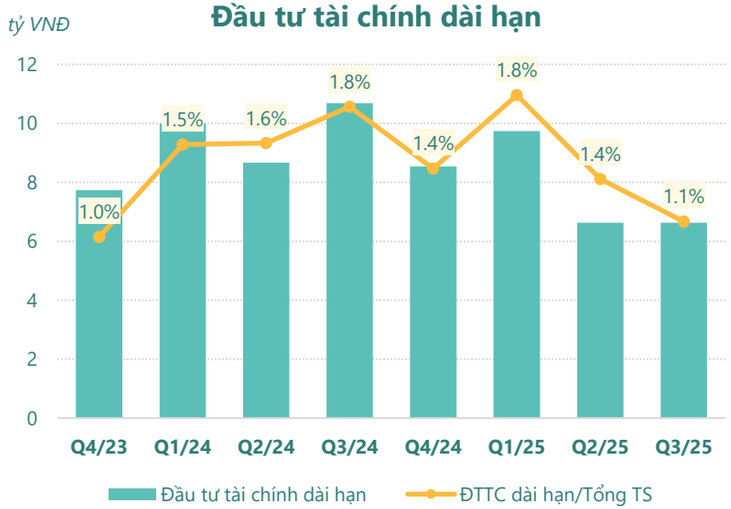
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



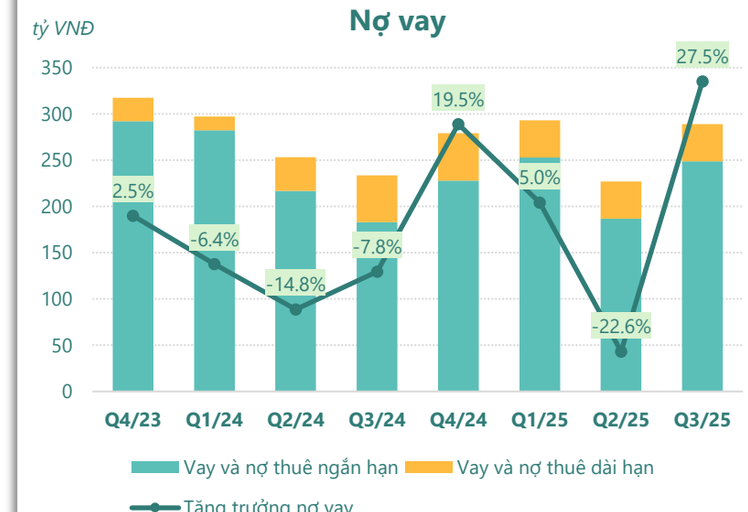
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

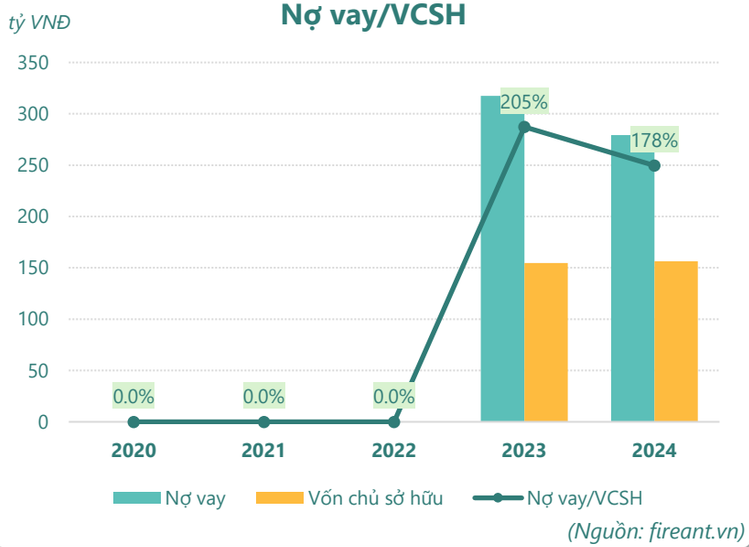
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

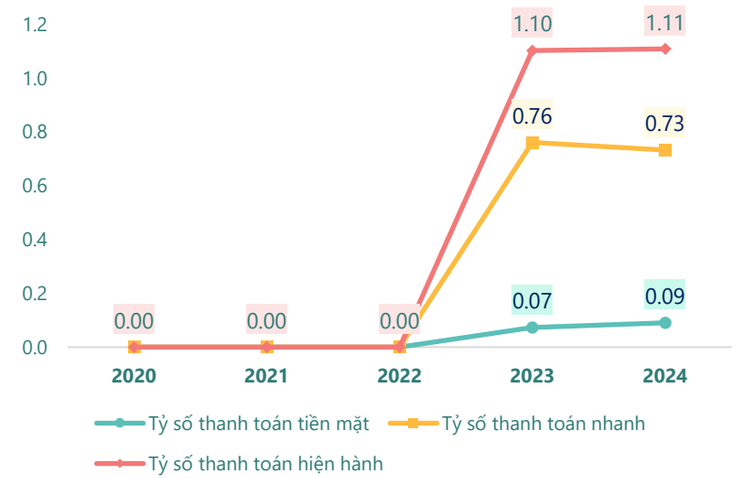
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



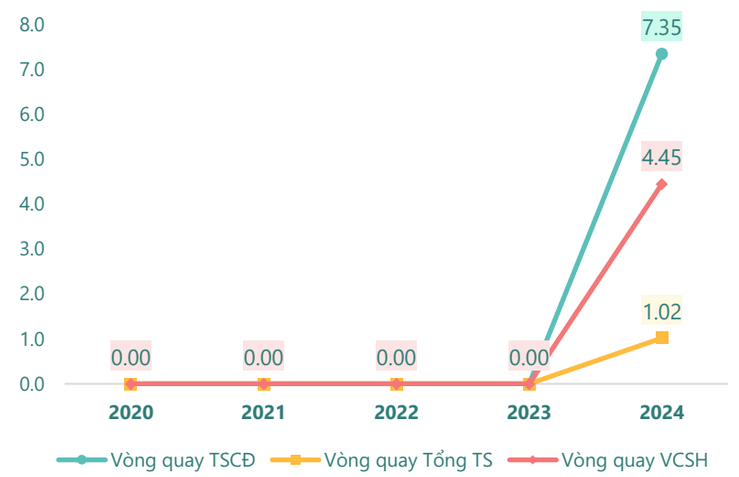
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



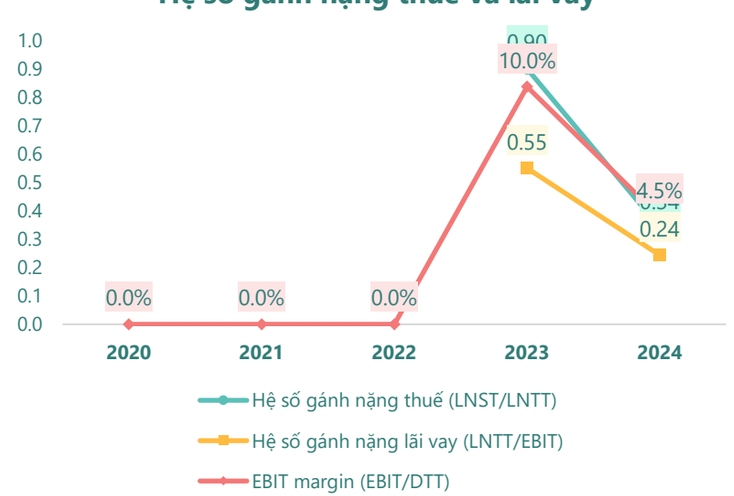
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



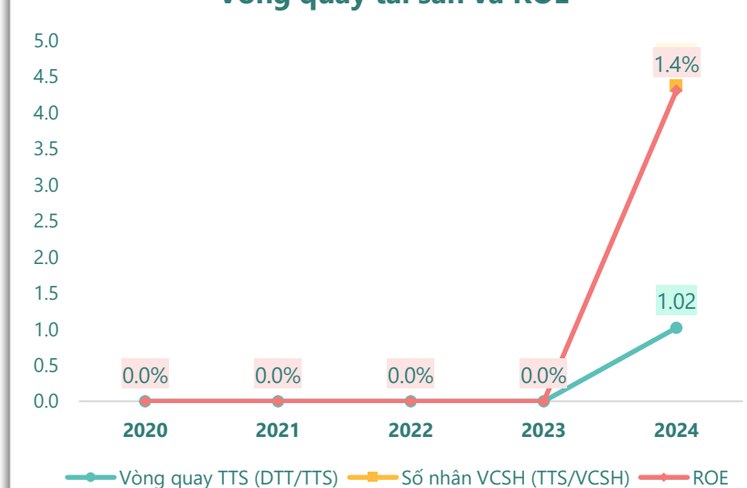
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



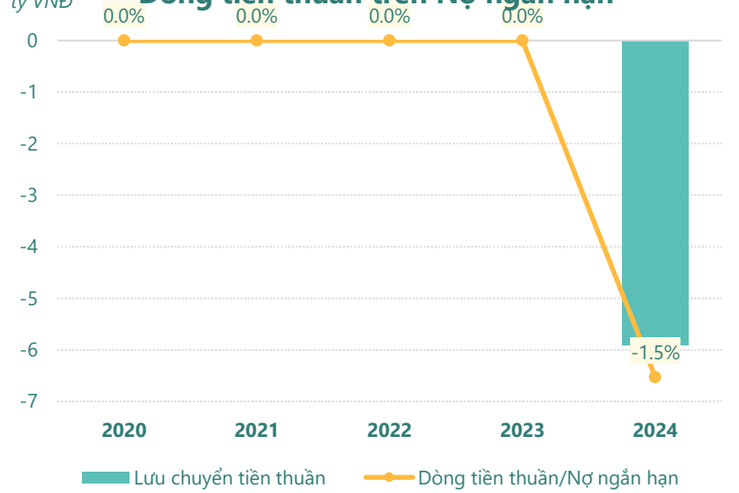
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**248**	**218**	**13.7%**	**479**	**438**	**9.3%**
Giá vốn hàng bán	199	176	13.3%	385	346	11.3%
Lợi nhuận gộp	48.3	42.2	14.5%	93.7	92.1	1.7%
Doanh thu HĐTC	0.09	-0.27	134%	6.34	2.21	187%
Chi phí TC	4.72	4.82	-2.1%	19.2	23.8	-19.6%
Chi phí lãi vay	4.70	5.21	-9.8%	15.7	18.0	-13.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**1.43**	**-100%**	**-0.95**	**1.56**	**-161%**
Chi phí bán hàng	10.2	13.3	-23.2%	35.4	38.9	-8.9%
Chi phí QLDN	**11.1**	**2.72**	**308%**	**35.7**	**30.0**	**18.7%**
LN thuần từ HĐKD	22.4	22.5	-0.6%	8.89	3.15	182%
Lợi nhuận khác	**0.72**	**-0.38**	**290%**	**0.26**	**2.45**	**-89.2%**
LN trước thuế	23.1	22.1	4.5%	9.15	5.60	63.6%
Lợi nhuận sau thuế	**21.1**	**20.6**	**2.4%**	**3.61**	**1.34**	**171%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.3**	**20.4**	**4.6%**	**4.14**	**0.98**	**322%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.9	32.4	-52.2	-19.0	63.8	-33.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.89	1.89	4.23	-3.89	1.60	-1.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.1	-34.3	53.2	-5.66	-62.3	54.2
Tiền đầu kỳ	25.0	30.7	30.7	35.9	11.2	14.4
Lưu chuyển tiền thuần	**5.72**	**-0.06**	**5.28**	**-28.6**	**3.14**	**19.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.17	0	0
Tiền cuối kỳ	30.7	30.7	35.9	14.9	14.4	33.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**596**	**604**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	464	440	5.4%
Tiền và tương đương tiền	33.6	35.9	-6.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải thu ngắn hạn	250	254	-1.4%
Hàng tồn kho	178	149	19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.07	0.46	348%
Tài sản dài hạn	**133**	**165**	**-19.4%**
Phải thu dài hạn	35.0	30.4	15.2%
Tài sản cố định	79.3	114	-30.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.83	1.68	68.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	8.54	-22.3%
Tài sản dài hạn khác	**8.76**	**9.82**	**-10.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	437	448	-2.4%
Nợ ngắn hạn	**395**	**397**	**-0.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	249	228	9.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.1	79.5	-28.1%
Nợ dài hạn	41.9	51.3	-18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	51.2	-21.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**159**	**156**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**159**	**156**	**1.7%**
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)